

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2021/DS - ST

Ngày 22/9/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Diệp Duy và bà Mai Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố KonTum.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 06 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-DS ngày 18/8/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tuyết Nh, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 4, phường Ng, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Y Ni, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ch, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2021, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết Nh trình bày:

Chị Trần Thị Tuyết Nh là giáo viên dạy học ở xã Chư Hreng, nên có quen biết bà Y Ni từ năm 2020. Vào ngày 17/8/2020 bà Y Ni vay của chị số tiền 80.000.000 đồng để làm trang trại chăn nuôi bò. Khi vay có viết giấy nợ và bà Y Ni hẹn 01 tháng sau sẽ trả tiền. Khi đến thời hạn trả tiền chị Nhung đến đòi nhiều lần,

nhưng bà Y Ni không trả. Chị Trần Thị Tuyết Nh yêu cầu bà Y Ni phải trả cho chị số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng, chị Nhung không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Y Ni đã được Toà án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Toà án: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Giấy triệu tập tham gia phiên toà nhưng bà Y Ni không có ý kiến trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và tại phiên toà xét xử sơ thẩm.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Toà án đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tham gia tố tụng tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), nguyên đơn không yêu cầu lãi suất, nên không đề cập. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Tuyết Nh có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum giải quyết buộc bà Y Ni có nơi cư trú tại Đ, xã Ch, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum trả số tiền vay 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*). Do vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Y Ni đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà và các giấy triệu tập nhưng bà Y Ni vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà Y Ni.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 17/8/2020 chị Trần Thị Tuyết Nh có cho bà Y Ni vay số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) để làm trang trại chăn nuôi bò. Chứng cứ chị Trần Thị Tuyết Nh cung cấp cho Tòa án là giấy mượn tiền đề ngày 17/8/2020 có nội dung: Bà Y Ni mượn của chị Nh số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) để làm trang trại chăn nuôi bò và hẹn ngày 17/9/2020 trả tiền cho chị Nh. Giấy mượn tiền ngày 17/8/2020 có chữ ký và viết của bà Y Ni.

Bà Y Ni đã ký nhận văn bản Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án số 291/TB-TLVA ngày 22/6/2021. Tòa án đã triệu tập họp lệ và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà nhưng bà Y Ni không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với chị Trần Thị Tuyết Nh. Do đó, Tòa án giải quyết vắng mặt bà Y Ni là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết Nh buộc bà Y Ni phải trả cho chị Trần Thị Tuyết Nh số tiền gốc 80.000.000 đồng.

Chị Trần Thị Tuyết Nh không yêu cầu lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết Nh được chấp nhận, nên bà Y Ni phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng (80.000.000 đồng x 5%).

Chị Trần Thị Tuyết Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết Nh.

Buộc bà Y Ni phải trả cho chị Trần Thị Tuyết Nh số tiền nợ 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Y Ni phải chịu 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị Tuyết Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Tuyết Nh 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005065 ngày 18/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22 tháng 9 năm 2021) chị Trần Thị Tuyết Nh có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP,
- Thi hành án dân sự TP;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hường

